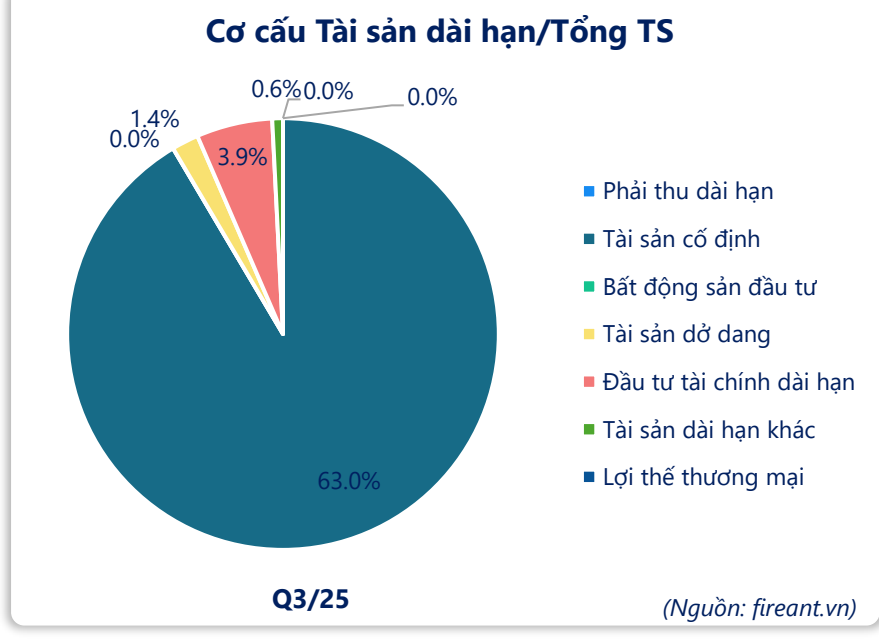
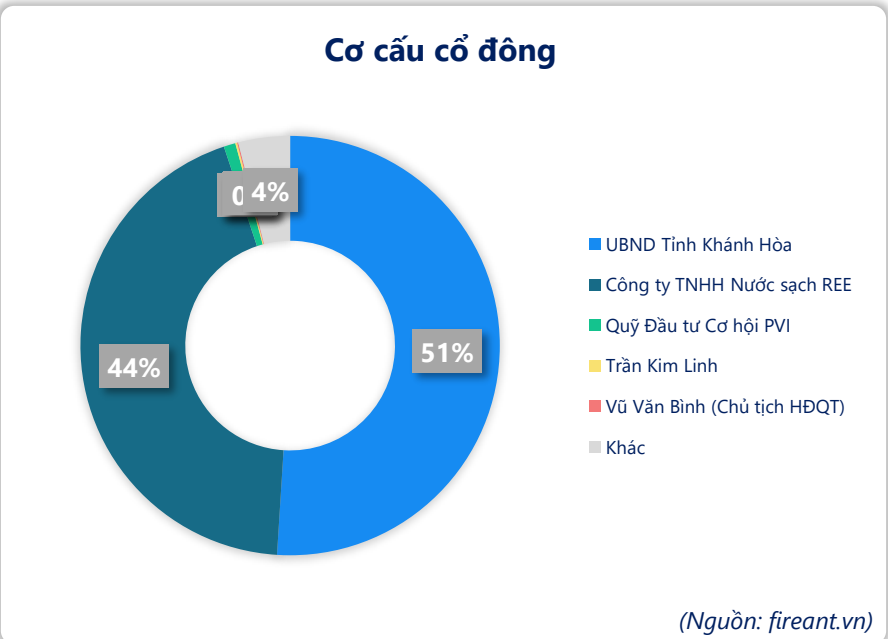
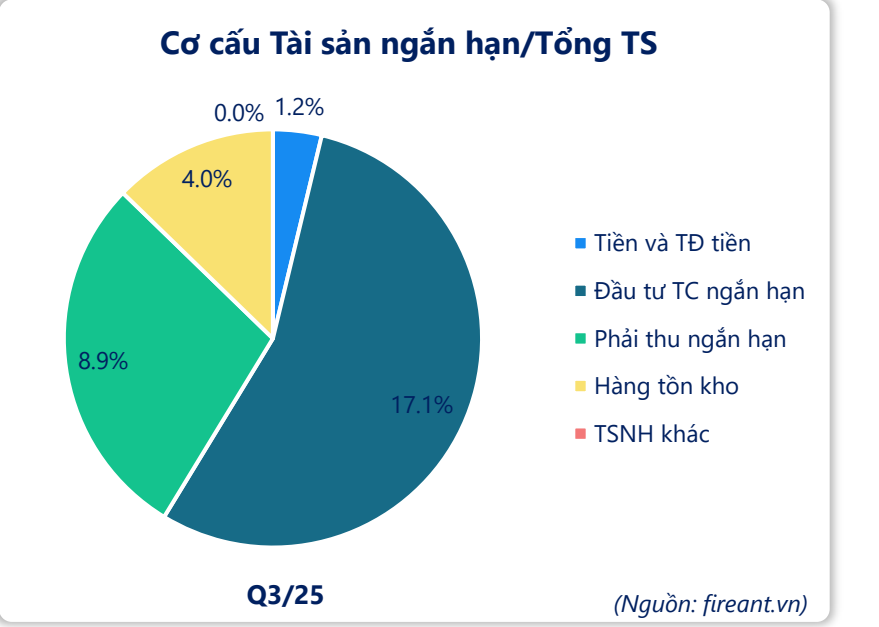
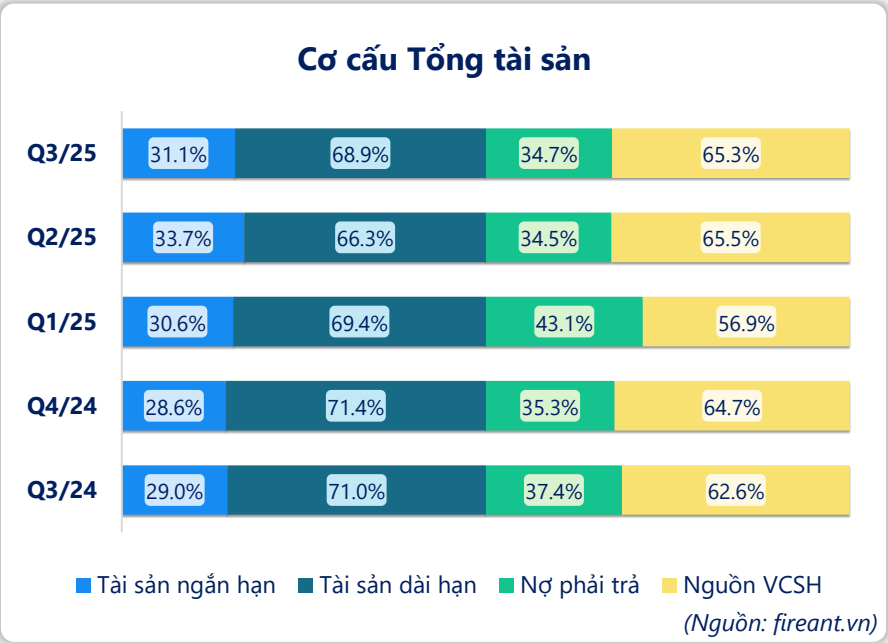
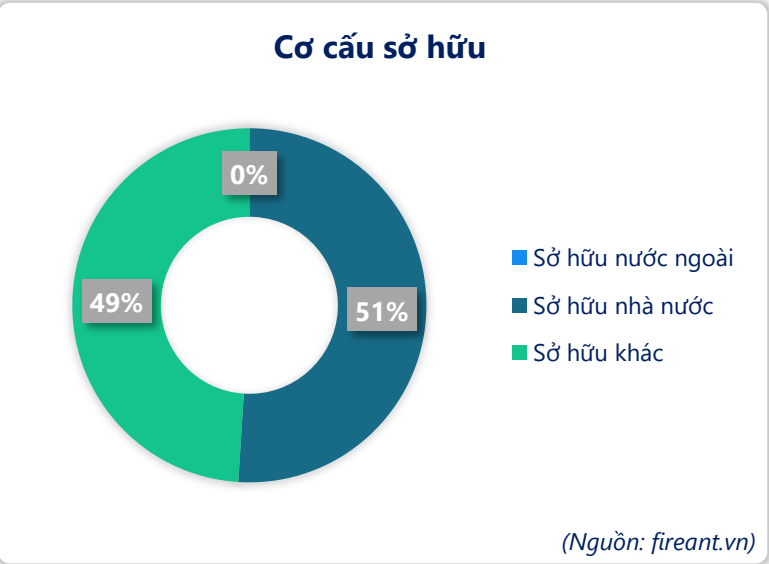
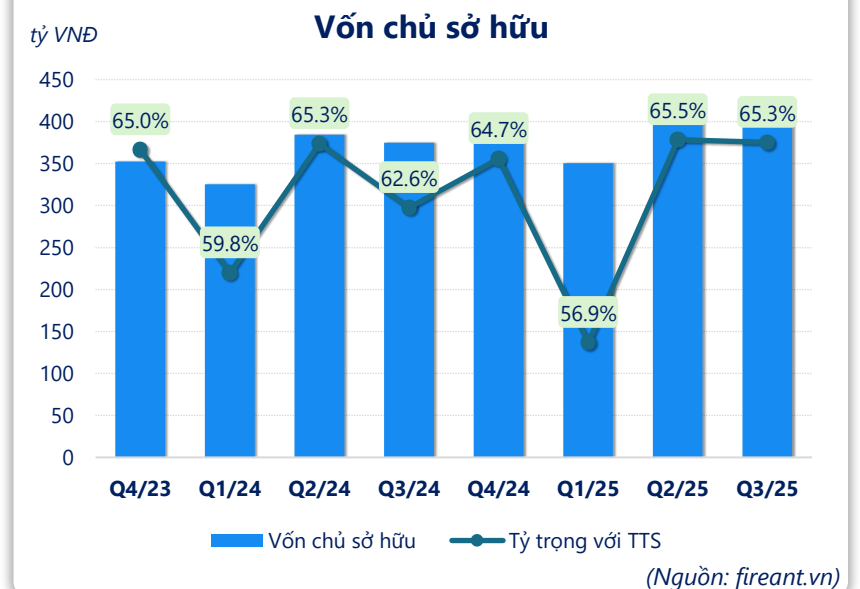
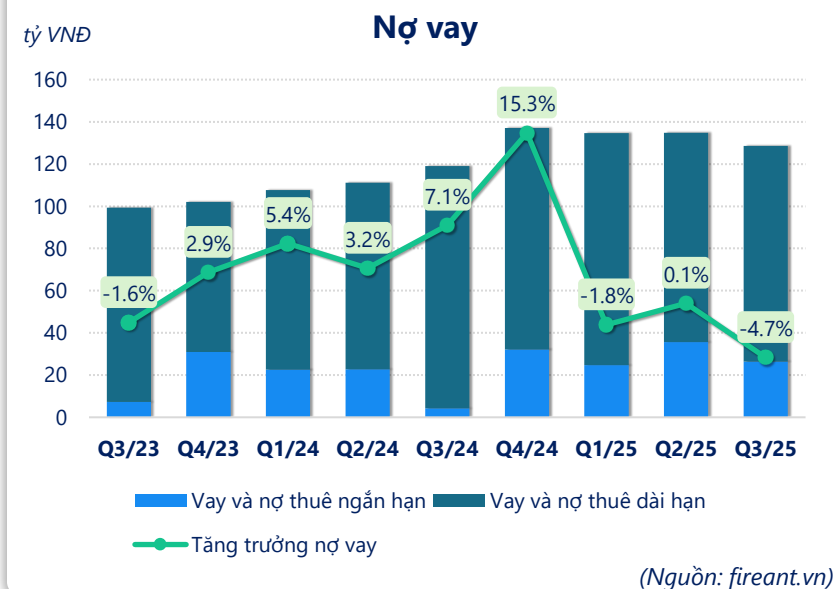
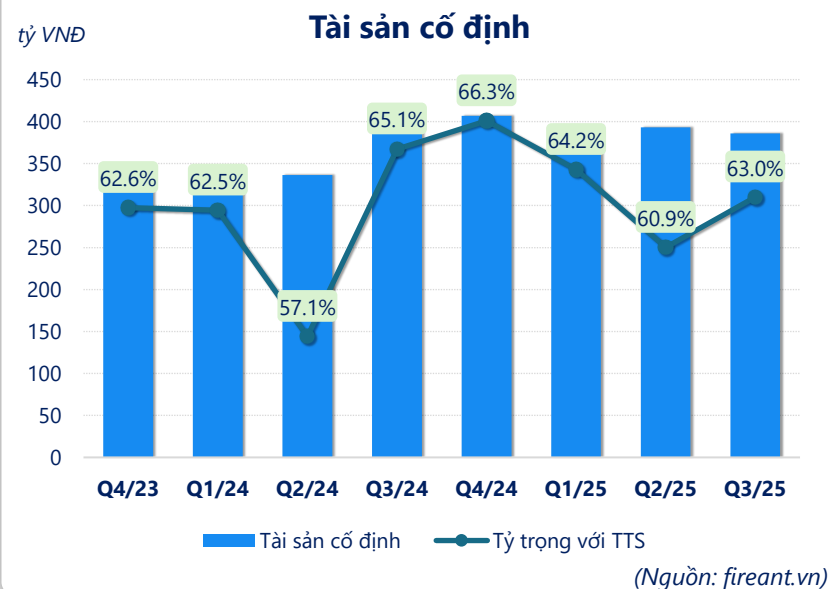
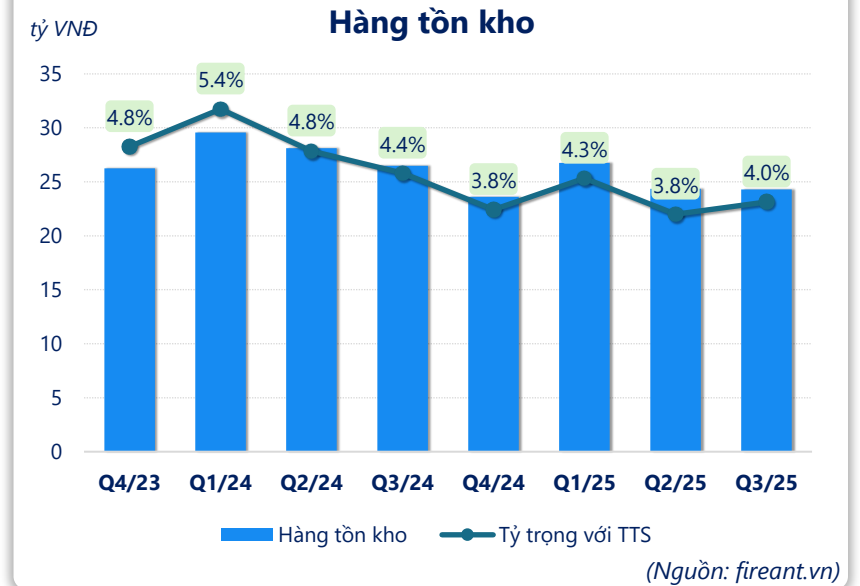
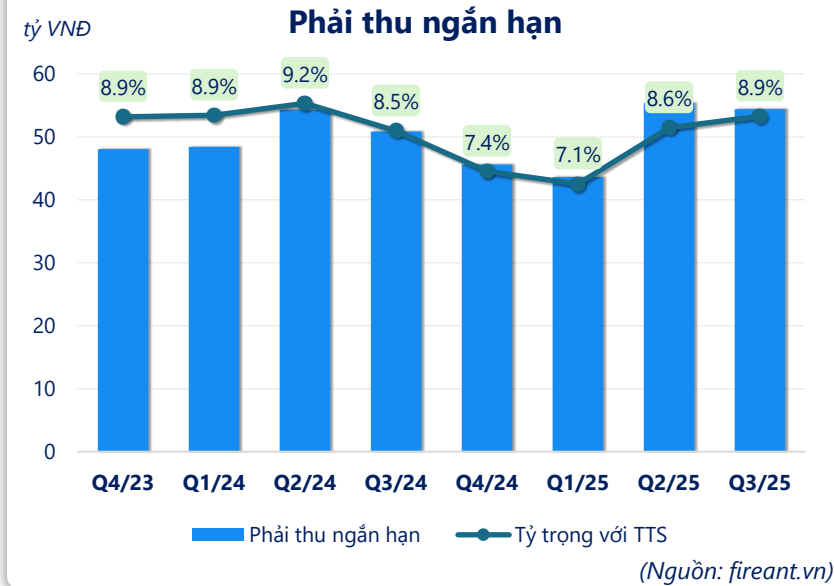
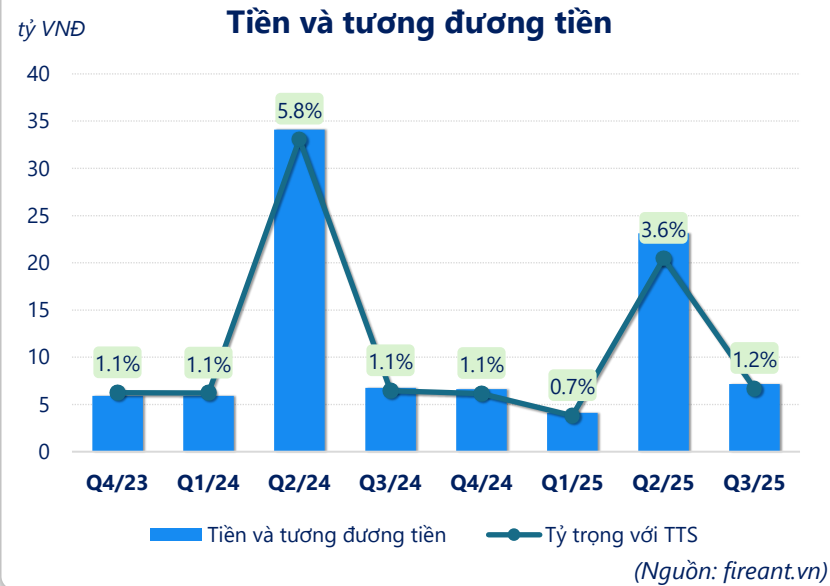
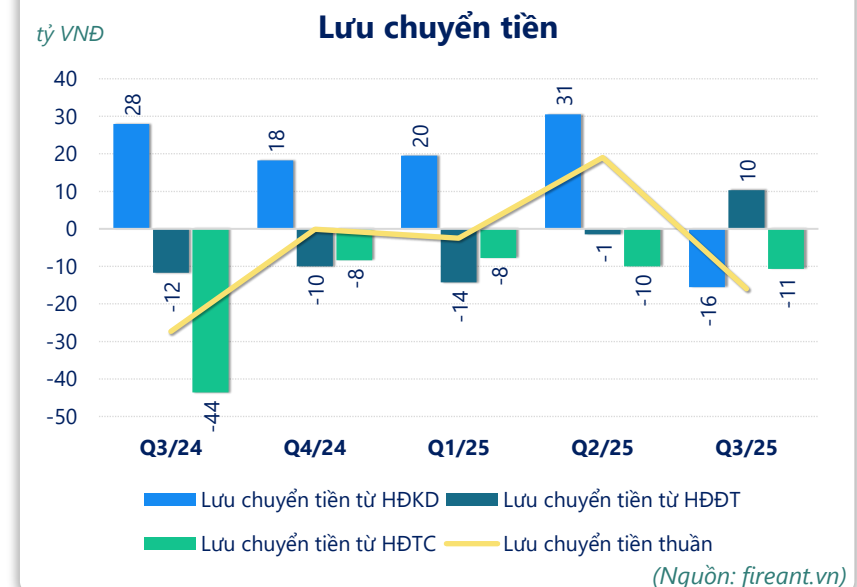
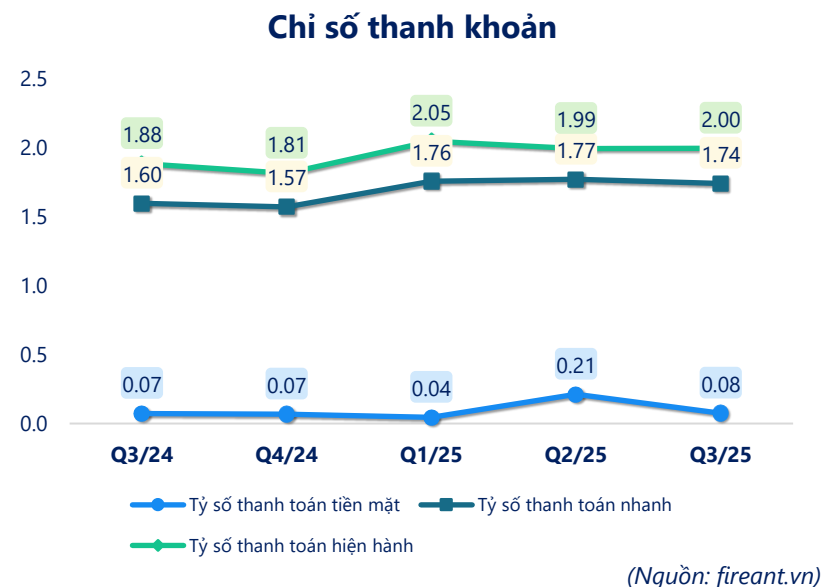
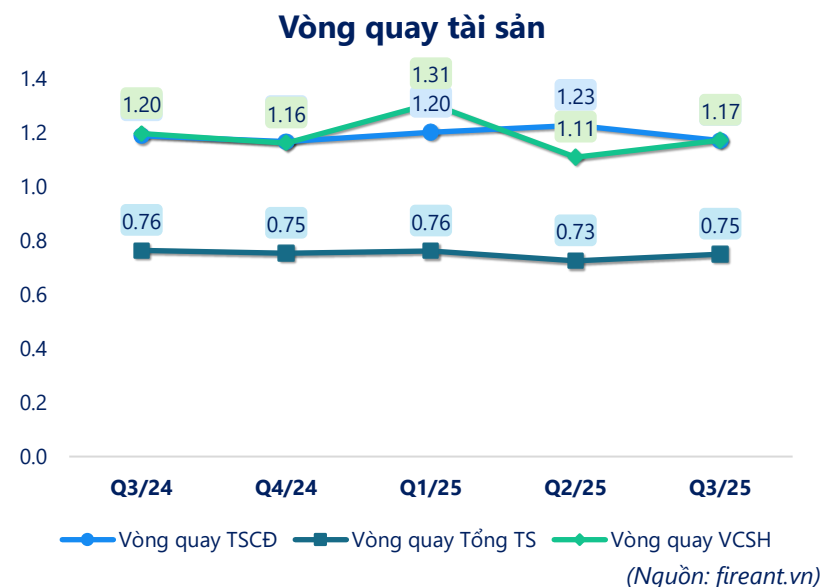
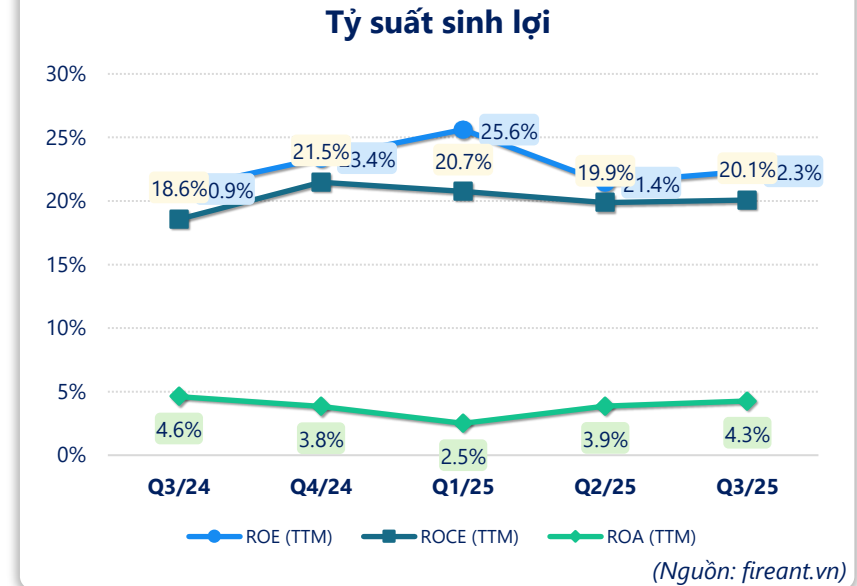
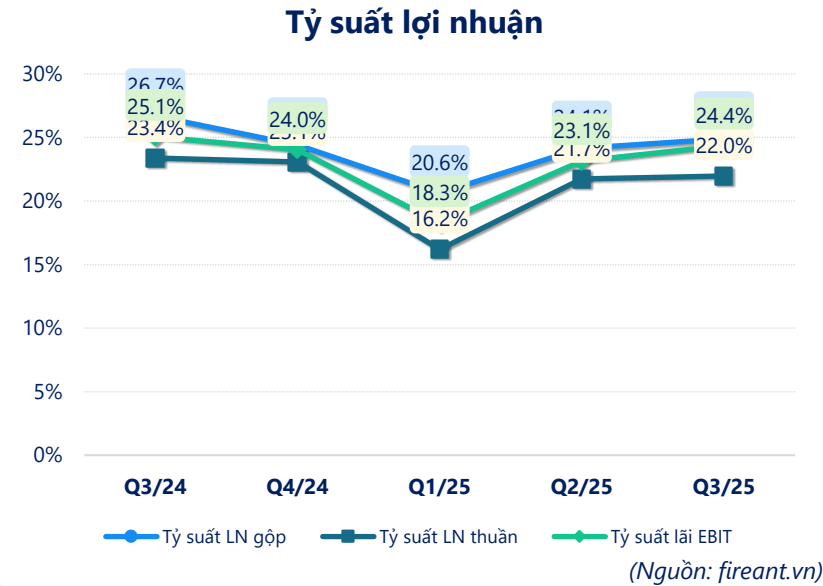
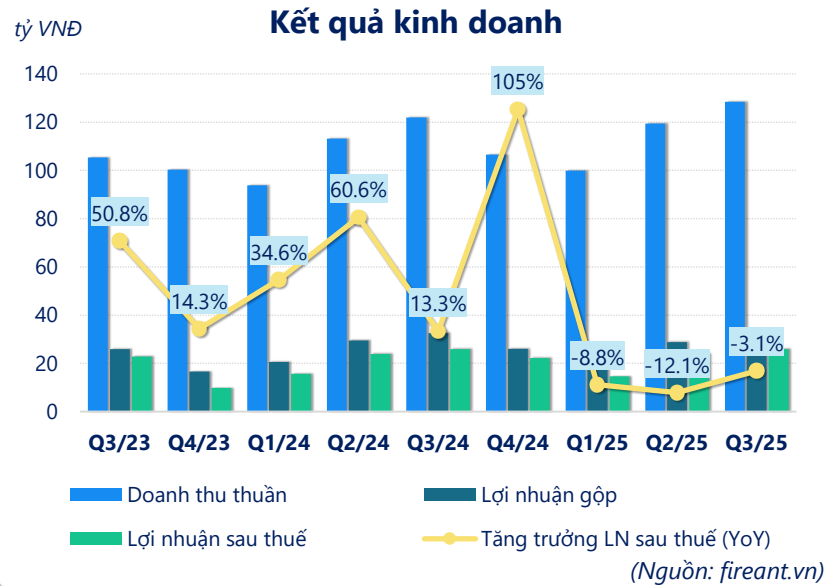


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		31,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		37,078
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,257
SL cổ phiếu LH		28,599,996
KLGD BQ 20 phiên (CP)		446
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		907
P/E		10.5
EPS		3,027

	YTD	1T	3T	6T
KHW	7.6%	1.0%	3.5%	-4.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	612	614	-0.3%
Tài sản ngắn hạn	191	176	8.4%
Tiền và tương đương tiền	7.17	6.62	8.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	105	99.9	4.8%
Phải thu ngắn hạn	54.4	45.6	19.2%
Hàng tồn kho	24.3	23.6	2.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	422	438	-3.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	386	407	-5.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	8.50	1.93	340%
Đầu tư tài chính dài hạn	24.0	24.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	3.38	5.29	-36.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	212	217	-2.3%
Nợ ngắn hạn	95.4	96.0	-0.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.3	31.3	-15.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.8	11.0	7.6%
Nợ dài hạn	117	121	-3.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	102	106	-3.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	397	0.8%
Vốn chủ sở hữu	400	397	0.8%
Vốn điều lệ	286	286	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	122	106	99.9	119	128
Giá vốn hàng bán	89.4	80.5	79.3	90.6	96.5
Lợi nhuận gộp	32.5	26.0	20.6	28.8	32.0
Doanh thu HĐTC	0.39	3.21	0.37	1.88	1.74
Chi phí TC	1.57	0.70	2.06	0.95	2.40
Chi phí lãi vay	1.57	0.70	2.06	0.95	2.40
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0.15	0.15	0.15	0.15
Chi phí QLDN	2.85	3.79	2.59	3.64	2.95
LN thuần từ HĐKD	28.5	24.6	16.2	26.0	28.2
Lợi nhuận khác	0.48	0.32	0.01	0.71	0.69
LN trước thuế	29.0	24.9	16.2	26.7	28.9
Lợi nhuận sau thuế	25.9	22.2	14.5	23.9	25.9
LNST của CĐ cty mẹ	25.9	22.2	14.5	23.9	25.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.9	18.2	19.5	30.5	-15.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.7	-9.97	-14.3	-1.48	10.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-43.6	-8.40	-7.74	-10.0	-10.7
Tiền đầu kỳ	34.1	6.76	6.62	4.09	23.1
Lưu chuyển tiền thuần	-27.3	-0.14	-2.53	19.0	-15.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.76	6.62	4.09	23.1	7.17

(Nguồn: fireant.vn)